Ký bởi Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn
Giờ ký: 01/08/2018 15:15:31

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẮC KẠN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 18 /2018/QĐ-UBND | *Bắc Kạn, ngày 01 tháng 8 năm 2018* |

# QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

## ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 91/TTr-SNN ngày 03 tháng 7 năm 2018.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 8 năm 2018.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị quản lý, khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***
- Như điều 3 (thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh;
- Báo Bắc Kạn;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NCKSTT.

166

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**

**Lý Thái Hải**

| ỦY BAN NHÂN DÂN<br>TỈNH BẮC KẠN | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

# QUY ĐỊNH
## Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 18 /2018/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

## Chương I
## QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về phạm vi vùng phụ cận đối với các công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo khoản 7 Điều 40 Luật Thủy lợi, các nội dung khác không có trong Quy định này thì thực hiện theo Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật có liên quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

## Chương II
## QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 3. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.

2. Trong phạm vi bảo vệ công trình, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở cho việc vận hành và an toàn công trình, có đường mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.

**Điều 4. Phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi khác trên địa bàn tỉnh**

1. Phạm vi vùng phụ cận của công trình thủy lợi khác được quy định

1.1. Đập dâng (là đập hoặc tường thấp chắn ngang dòng chảy để nâng cao mực nước thượng lưu, toàn bộ dòng chảy tràn qua đập)

Phạm vi vùng phụ cận bảo vệ đập từ biên ngoài phần xây đúc thượng, hạ lưu đập và hai bên vai đập trở ra: Đối với đập cấp II tối thiểu là 100 m; đập cấp III tối thiểu là 50 m; đập cấp IV tối thiểu là 20 m.

1.2. Kênh và công trình trên kênh

a) Kênh có lưu lượng thiết kế nhỏ hơn 02 $m^3/s$, phạm vi vùng phụ cận tính từ chân mái ngoài của kênh trở ra đối với kênh đất tối thiểu là 1,5 m; đối với kênh kiên cố tối thiểu là 01 m;

b) Đối với kênh là đường ống, cầu máng: Phạm vi bảo vệ là 01 m tính từ mép ngoài cùng hạng mục công trình;

c) Đối với những đoạn kênh, tuyến kênh có bờ kết hợp làm đường giao thông, phạm vi vùng phụ cận ngoài việc đảm bảo theo quy định trên còn phải phù hợp với quy định về hành lang bảo vệ công trình giao thông;

d) Công trình trên kênh (cống, tràn xả nước...):

Đối với kênh có lưu lượng thiết kế nhỏ hơn 02 $m^3/s$ phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của công trình hoặc điểm gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra là 01 m về mọi phía.

Đối với kênh có lưu lượng thiết kế từ 02 $m^3/s$ đến 10 $m^3/s$ phạm vi vùng phụ cận tính từ điểm xây đúc ngoài cùng của công trình hoặc điểm gia cố bảo vệ ngoài cùng của công trình trở ra là 02 m về mọi phía.

1.3. Kè chống sạt lở bờ sông, suối

Phạm vi vùng phụ cận tính từ phần xây đúc ngoài cùng của kè tối thiểu là 05 m về phía bờ kè, 10 m về phía sông, suối.

1.4. Vùng phụ cận của trạm bơm:

Phạm vi vùng phụ cận được tính từ mép ngoài móng hàng rào bảo vệ trở vào. Trường hợp trạm bơm chưa xây dựng được hàng rào bảo vệ thì phạm vi vùng phụ cận được tính trong phạm vi đất đã được thu hồi khi xây dựng công trình.

2. Công trình thủy lợi khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định tại Điều này; cơ quan phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình.

3. Trường hợp công trình thủy lợi nằm trong khu vực phạm vi phụ cận của các công trình cơ sở hạ tầng khác (nếu có), bảo tồn thiên nhiên, phạm vi bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa hoặc khu vực an ninh quốc phòng thì ngoài việc đảm bảo theo các quy định trên còn phải phù hợp theo quy định của pháp luật về phạm vi vùng phụ cận của các công trình cơ sở hạ tầng khác (nếu có), bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ di tích lịch sử văn hóa và bảo vệ khu vực an ninh quốc phòng.

4. Phạm vi vùng phụ cận của những công trình không có trong quy định này phải tuân theo Luật Thủy lợi và các quy định pháp luật khác có liên quan.

**Điều 5. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi**

1. Đối với các công trình thủy lợi đã đưa vào khai thác trước khi quy định này có hiệu lực và chưa cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ thì tổ chức, cá nhân khai thác công trình có trách nhiệm cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình

thủy lợi. Kinh phí cắm mốc chỉ giới được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi và các nguồn hợp pháp khác.

2. Đối với các công trình thủy lợi triển khai xây dựng sau khi Quy định này có hiệu lực, chủ đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ. Kinh phí cắm mốc chỉ giới được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.

3. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thực hiện theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

## Chương III
## TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành**

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc Ủy ban nhân dân cấp huyện, các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh triển khai cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh theo quy định, định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi bảo vệ công trình.

b) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi theo thẩm quyền, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất theo quy định.

3. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, công tác giải tỏa vi phạm, hỗ trợ, bồi thường.

4. Các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

**Điều 7. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện**

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Quy định này để nhân dân biết, thi hành.

2. Tham gia, phối hợp với tổ chức, cá nhân khai thác công trình trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cắm mốc chỉ giới trên thực địa.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ vào Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn quản lý. Trường hợp vượt quá thẩm quyền báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo định kỳ sáu tháng, một năm.

**Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi và Quy định này để nhân dân biết và thi hành.

2. Tham gia, phối hợp với tổ chức, cá nhân khai thác công trình trong việc xây dựng phương án bảo vệ công trình, phương án cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình và trong việc thực hiện cắm mốc chỉ giới trên thực địa.

3. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý; thực hiện các biện pháp phối hợp quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không để xảy ra tái vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện (qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo định kỳ sáu tháng, một năm

**Điều 9. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi**

1. Trực tiếp bảo vệ công trình thủy lợi; thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời và có biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị quản lý; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn công trình thủy lợi.

2. Cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình đối với công trình thủy lợi đang khai thác theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

**Điều 10. Điều khoản thi hành**

Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị và cá nhân liên quan kịp thời phản ánh đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**
**CHỦ TỊCH**




**Lý Thái Hải**

